

Số: **1344**QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày **03** tháng **9** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành phương án Tổng điều tra kinh tế năm 2021

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2021;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Phó trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Trung ương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án Tổng điều tra kinh tế năm 2021.

Điều 2. Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Trung ương, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Bộ Quốc phòng, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Bộ Công an, các Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng phương án quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê và Trưởng ban các Ban Chỉ đạo có tên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Thành viên BCĐ TƯ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Thống kê tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Thành viên Tổ thường trực BCĐ TƯ;
- Lưu: VT, TCTK (15 bản).



Nguyễn Chí Dũng

**TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ TRUNG ƯƠNG**

Đề nghị các đơn vị truy cập đường link sau để tải Phụ lục kèm theo

<https://1drv.ms/u/s!Ar5tdT-dRW2Eg1uUMI34z6Svwx50?e=Audr2U>



PHƯƠNG ÁN

Tổng điều tra kinh tế năm 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1344/QĐ-TCTK ngày 03 tháng 09 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐIỀU TRA

1. Mục đích

Tổng điều tra kinh tế năm 2021 thu thập thông tin về các cơ sở kinh tế, sự nghiệp nhằm đáp ứng các mục đích sau:

Một là, đánh giá sự phát triển về số lượng, quy mô và lao động của các cơ sở kinh tế; kết quả sản xuất kinh doanh (viết gọn là SXKD); mức độ ứng dụng công nghệ thông tin; cơ cấu, sự phân bố của các cơ sở và của lao động theo địa phương, theo ngành kinh tế và theo hình thức sở hữu nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý của Đảng, nhà nước, các Bộ, ngành và địa phương.

Hai là, tính toán chỉ tiêu thống kê chính thức của các chuyên ngành thống kê, chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước (GDP), Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP) năm 2020 theo Đề án “Đổi mới quy trình biên soạn số liệu Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” và các chỉ tiêu thống kê khác thuộc Hệ thống tài khoản quốc gia.

Ba là, cập nhật thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi năm gốc so sánh phục vụ biên soạn các chỉ tiêu thống kê kinh tế - xã hội; làm dàn mẫu tổng thể về cơ sở kinh tế cho các cuộc điều tra chọn mẫu trong giai đoạn tiếp theo của ngành Thống kê, các Bộ, ngành và địa phương.

2. Yêu cầu

(1) Công tác tổ chức, thu thập thông tin, xử lý số liệu, tổng hợp, công bố, lưu trữ dữ liệu và bảo mật thông tin cuộc Tổng điều tra phải thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định của Phương án điều tra.

(2) Thu thập, tổng hợp và công bố các số liệu có độ tin cậy cao, đầy đủ các nội dung điều tra theo Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo tính kế thừa và so sánh với các kỳ Tổng điều tra trước, đáp ứng yêu cầu so sánh quốc tế.

(3) Đảm bảo tính khả thi về nội dung điều tra, đáp ứng yêu cầu tổng hợp chỉ tiêu thống kê quốc gia theo Luật Thống kê năm 2015, chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã, số liệu chính thức theo đơn vị ngành kinh tế theo địa bàn.

(4) Đảm bảo thông tin điều tra đầy đủ, kịp thời, không trùng lặp, bỏ sót, phù hợp với điều kiện thực tế và có tính khả thi theo hướng ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong tất cả các công đoạn của Tổng điều tra.

(5) Việc quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc Tổng điều tra bảo đảm đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.

II. ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ, PHẠM VI ĐIỀU TRA

1. Đối tượng điều tra

a) Đối tượng điều tra là tổ chức, cá nhân chứa đựng thông tin cần thu thập. Trong cuộc điều tra này, đối tượng điều tra được xác định là *đơn vị cơ sở* hay còn được gọi là *đơn vị ngành kinh tế theo địa bàn*. Đơn vị cơ sở là đơn vị kinh tế thỏa mãn các điều kiện sau đây:

(1) Có địa điểm xác định trên lãnh thổ Việt Nam để trực tiếp thực hiện hoặc quản lý, điều hành các hoạt động thuộc các ngành kinh tế;

(2) Có chủ thể sở hữu và người đứng đầu chịu trách nhiệm quản lý, điều hành hoạt động, có lao động chuyên nghiệp;

(3) Có thời gian hoạt động liên tục hoặc định kỳ theo mùa vụ hoặc theo tập quán kinh doanh;

(4) Mỗi đơn vị cơ sở chỉ đóng tại 1 địa bàn xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là xã) và chỉ tiến hành 1 loại hoạt động kinh tế thuộc ngành cấp 3.

Một đơn vị cơ sở đóng trên cùng một địa điểm nhưng thuộc địa bàn quản lý của từ 2 xã trở lên, quy ước theo diện tích lớn nhất của đơn vị cơ sở thuộc địa bàn xã nào thì đơn vị cơ sở được tính vào xã đó. Trường hợp, chưa xác định được theo diện tích, tiếp tục căn cứ vào địa điểm thực hiện công tác quản lý (hợp, phổ biến nghiệp vụ,...) để sắp xếp đơn vị cơ sở vào địa bàn xã phù hợp.

Căn cứ vào giá trị sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm chính do đơn vị cơ sở tạo ra để xác định ngành kinh tế của đơn vị cơ sở.

b) Đối tượng điều tra bao gồm các loại cơ sở sau:

(1) *Cơ sở SXKD của doanh nghiệp/hợp tác xã* là đơn vị cơ sở chỉ thực hiện 1 loại hoạt động SXKD trong phạm vi 1 ngành kinh tế cấp 3 và chỉ đóng trên địa bàn 1 xã. Trong doanh nghiệp, cơ sở SXKD thường là địa điểm SXKD;

(2) *Cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản (viết gọn là cơ sở SXKD cá thể)* là đơn vị cơ sở của hộ gia đình, chỉ thực hiện 1 loại hoạt động SXKD không thuộc ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn của 1 xã;

(3) *Cơ sở SXKD thuộc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp* là các đơn vị có hoạt động SXKD trực thuộc các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp;

(4) *Cơ sở sự nghiệp, hiệp hội* là đơn vị cơ sở của đơn vị sự nghiệp, hiệp hội thực hiện một loại hoạt động trong phạm vi 1 ngành kinh tế cấp 3 trên địa bàn của 1 xã;

(5) *Tổ chức phi chính phủ của nước ngoài tại Việt Nam* là các tổ chức phi lợi nhuận, các quỹ xã hội, quỹ tư nhân, hoặc các hình thức tổ chức xã hội, phi lợi nhuận khác, được thành lập theo luật pháp nước ngoài, các hoạt động hỗ trợ phát triển, viện trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận hoặc các mục đích khác tại Việt Nam;

(6) *Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng*, là đơn vị cơ sở của đơn vị tôn giáo, tín ngưỡng thực hiện hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng trong phạm vi địa bàn 1 xã.

c) Đối tượng điều tra không bao gồm:

(1) Các cơ quan hành chính, Đảng đoàn thể;

(2) Cơ sở sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản của hộ;

(3) Cơ sở hoạt động thuộc lĩnh vực ngoại giao (các đoàn ngoại giao, Đại sứ quán, Lãnh sự quán của nước ngoài).

2. Đơn vị điều tra

Đơn vị điều tra là tổ chức, cá nhân mà qua đó tiếp cận với đối tượng điều tra để thu thập thông tin. Đơn vị điều tra được phân loại theo số lượng cơ sở và theo hình thức hoạt động.

a) Phân loại đơn vị điều tra theo số lượng cơ sở

- *Đơn vị điều tra đơn cơ sở* là đơn vị điều tra chỉ có một đơn vị cơ sở đóng trên cùng địa bàn xã với văn phòng quản lý. Trong trường hợp này, văn phòng quản lý đóng trên cùng địa bàn xã để phục vụ trực tiếp cho đơn vị cơ sở tạo ra sản phẩm đầu ra của đơn vị điều tra. Do đó, văn phòng quản lý không được xem xét như một đơn vị cơ sở riêng biệt và xem như đơn vị điều tra chỉ có một đơn vị cơ sở duy nhất. Đơn vị điều tra đơn cơ sở được xếp vào ngành hoạt động của đơn vị cơ sở duy nhất của nó.

- *Đơn vị điều tra đa cơ sở* là đơn vị điều tra có từ hai đơn vị cơ sở đóng trên cùng địa bàn xã với văn phòng quản lý hoặc có ít nhất một đơn vị cơ sở đóng tại địa bàn xã khác với văn phòng quản lý. Ở đây, văn phòng quản lý được xác định là một đơn vị cơ sở và xếp vào ngành hoạt động của trụ sở văn phòng (trừ văn phòng quản lý của đơn vị hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và bảo hiểm được xếp vào cùng ngành tài chính, ngân hàng và bảo hiểm). Các đơn vị cơ sở khác được xếp vào ngành hoạt động dựa trên sản phẩm chính mà đơn vị cơ sở đó sản xuất ra.

Đối với cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản (viết gọn là NLTS), thường không có văn phòng quản lý. Do đó, đơn vị điều tra đa cơ sở SXKD cá thể phi NLTS là cơ sở có từ hai hoạt động SXKD trở lên.

b) Phân loại đơn vị điều tra theo hình thức hoạt động

(1) Doanh nghiệp

Doanh nghiệp được thành lập và chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp; Hợp tác xã/Liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân (viết gọn là Doanh nghiệp). Doanh nghiệp bao gồm:

- *Doanh nghiệp đơn cơ sở chỉ có một đơn vị cơ sở đóng trên cùng địa bàn (xã) với văn phòng quản lý của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp đơn cơ sở, đơn vị điều tra cũng chính là đối tượng điều tra và được xếp ngành hoạt động dựa trên sản phẩm chính của địa điểm SXKD duy nhất;*

- *Doanh nghiệp đa cơ sở có từ hai đơn vị cơ sở đóng trên cùng xã với văn phòng quản lý hoặc có ít nhất một đơn vị cơ sở đóng tại địa bàn xã khác với văn phòng quản lý. Theo đó, văn phòng quản lý được xác định là một đơn vị cơ sở và xếp vào ngành hoạt động của trụ sở văn phòng (trừ văn phòng quản lý của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và bảo hiểm được xếp vào cùng ngành tài chính, ngân hàng và bảo hiểm). Các đơn vị cơ sở khác được xếp vào ngành hoạt động dựa trên sản phẩm chính mà đơn vị cơ sở sản xuất ra. Đối với doanh nghiệp đa cơ sở, đơn vị cơ sở có thể đóng trên cùng hoặc không cùng địa bàn xã với văn phòng quản lý.*

- Tập đoàn, tổng công ty

+ *Đối với 62 tập đoàn, tổng công ty và doanh nghiệp có hoạt động hạch toán toàn ngành thuộc các lĩnh vực: bưu chính, viễn thông, điện lực, bảo hiểm, hàng không, đường sắt, ngân hàng có nhiều đơn vị cơ sở đóng trên phạm vi cả nước, Tổng cục Thống kê tổ chức điều tra văn phòng quản lý và các đơn vị cơ sở hạch toán phụ thuộc đóng trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ tiến hành thu thập thông tin đối với các doanh nghiệp hạch toán độc lập, không thuộc hoạt động hạch toán toàn ngành, trực thuộc các tập đoàn, tổng công ty này có địa điểm đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Danh sách các tập đoàn, tổng công ty và doanh nghiệp có hoạt động hạch toán toàn ngành được đề cập tại **Phụ lục 01**);*

+ *Đối với các tập đoàn, tổng công ty còn lại (không bao gồm 62 tập đoàn, tổng công ty ở **Phụ lục 01**): các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện điều tra, đơn vị điều tra là: (1) Văn phòng quản lý của tập đoàn, tổng công ty và các đơn vị cơ sở hạch toán phụ thuộc vào Văn phòng tập đoàn, tổng công ty; (2) Các doanh nghiệp trực thuộc tập đoàn, tổng công ty hạch toán độc lập đóng trên địa bàn.*

Lưu ý: Đơn vị điều tra là doanh nghiệp, các đơn vị cơ sở thường là các địa điểm SXKD. Tuy nhiên, trên thực tế trong doanh nghiệp nhà nước có các cơ

sở sự nghiệp (như trường học, bệnh viện,...) do đó, đối tượng điều tra trong các doanh nghiệp bao gồm tất cả các loại đơn vị cơ sở trực thuộc như: cơ sở SXKD, cơ sở sự nghiệp,...

(2) Cơ sở SXKD cá thể

Cơ sở SXKD cá thể thuộc sở hữu của một người, một nhóm người hoặc một gia đình, chưa đăng ký hoạt động theo loại hình doanh nghiệp, không bao gồm hộ thực hiện duy nhất một hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản. Cơ sở SXKD cá thể bao gồm:

- *Cơ sở đơn* là cơ sở chỉ có một hoạt động SXKD. Trong cơ sở đơn, đơn vị điều tra cũng chính là đối tượng điều tra và được xếp vào ngành hoạt động của đơn vị cơ sở duy nhất.

- *Hộ đa cơ sở* có từ hai cơ sở SXKD cá thể trở lên. Cơ sở SXKD cá thể của hộ đa cơ sở được xếp vào ngành hoạt động dựa trên sản phẩm chính mà cơ sở sản xuất ra.

Lưu ý: Đối với cả hai loại cơ sở đơn và hộ đa cơ sở, cơ sở SXKD cá thể có thể đóng trên cùng hoặc không cùng địa bàn xã với địa điểm mà chủ cơ sở sinh sống.

Riêng cơ sở SXKD cá thể ngành xây dựng, do đặc thù của hoạt động này và mục tiêu thống kê số lượng cơ sở, quy định: cơ sở SXKD cá thể xây dựng là đội/tổ/nhóm cá thể (gọi chung là đội xây dựng cá thể) do một người đứng ra làm đội trưởng (hay còn gọi là chủ/cai thầu xây dựng) thực hiện nhận thầu và tiến hành xây dựng mới, lắp đặt thiết bị, sửa chữa công trình xây dựng; được xác định theo tên và địa chỉ thường trú của chủ cơ sở (đội trưởng). Số lượng đơn vị cơ sở tính theo số lượng đội trưởng; không xác định số lượng cơ sở theo số lượng công trình mà đội trưởng đang tiến hành xây dựng. Trường hợp đội trưởng xây dựng nhận nhiều công trình xây dựng tại cùng một thời điểm vẫn chỉ tính là một cơ sở.

(3) Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội

Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội là loại hình tổ chức dịch vụ do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, doanh nghiệp thành lập hoặc cho phép thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thực hiện chức năng cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công cho xã hội, được hạch toán theo chế độ kế toán áp dụng cho các đơn vị sự nghiệp.

- *Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội đơn cơ sở* chỉ có một đơn vị cơ sở đóng trên cùng địa bàn xã với văn phòng quản lý của đơn vị sự nghiệp. Trong đơn vị sự nghiệp đơn cơ sở, đơn vị điều tra cũng chính là đối tượng điều tra và được xếp vào ngành hoạt động của đơn vị cơ sở duy nhất.

- *Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội đa cơ sở* có từ hai đơn vị cơ sở thực hiện từ hai hoạt động trở lên đóng trên cùng địa bàn xã với văn phòng quản lý hoặc có ít nhất một đơn vị cơ sở đóng tại địa bàn xã khác. Theo đó, văn phòng quản lý được xác định là một đơn vị cơ sở và xếp vào ngành hoạt động của trụ sở văn

phòng. Các đơn vị cơ sở khác được xếp vào ngành hoạt động dựa trên sản phẩm chính mà nó sản xuất ra.

(4) Đơn vị tôn giáo, tín ngưỡng

- Cơ sở tôn giáo là nơi thờ tự, tu hành, nơi đào tạo người chuyên hoạt động tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo và những cơ sở khác của tôn giáo được Nhà nước công nhận như: chùa, tự, viện, tịnh xá, niệm Phật đường, nhà thờ, nhà thờ họ công giáo, nhà nguyện, thánh thất, thánh đường, tu viện, trường đào tạo riêng của tôn giáo.

- Cơ sở tín ngưỡng là nơi thực hiện hoạt động tín ngưỡng của cộng đồng. Gồm các cơ sở tín ngưỡng là đình, đền, phủ, am và tương đương. *Loại trừ: các cơ sở tín ngưỡng là miếu, từ đường, nhà thờ họ của dòng họ gia đình.*

3. Phạm vi điều tra

Cuộc Tổng điều tra thực hiện trên phạm vi cả nước đối với tất cả các đơn vị điều tra thuộc các loại hình kinh tế, ngành kinh tế từ ngành A đến ngành U (trừ ngành O) theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (VSIC 2018), cụ thể:

- Ngành A: Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (*chỉ điều tra các doanh nghiệp và các cơ sở trực thuộc doanh nghiệp hoạt động trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản*);
- Ngành B: Khai khoáng;
- Ngành C: Công nghiệp chế biến, chế tạo;
- Ngành D: Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí;
- Ngành E: Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải;
- Ngành F: Xây dựng;
- Ngành G: Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;
- Ngành H: Vận tải kho bãi;
- Ngành I: Dịch vụ lưu trú và ăn uống;
- Ngành J: Thông tin và truyền thông;
- Ngành K: Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm;
- Ngành L: Hoạt động kinh doanh bất động sản;
- Ngành M: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ;
- Ngành N: Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ;
- Ngành P: Giáo dục và đào tạo;
- Ngành Q: Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội;
- Ngành R: Nghệ thuật, vui chơi và giải trí;

- Ngành S: Hoạt động dịch vụ khác;
- Ngành U: Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế.

III. NỘI DUNG ĐIỀU TRA, PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Nội dung điều tra

Nội dung điều tra bao gồm các nhóm thông tin sau:

- Thông tin nhận dạng đơn vị điều tra: thông tin định danh của cơ sở; ngành hoạt động sản xuất, kinh doanh; các loại hình doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội, cơ sở trực thuộc của các tổ chức trên; cơ sở SXKD cá thể; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; các tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam;
- Thông tin về lao động và thu nhập của người lao động: thông tin về người đứng đầu; lao động của cơ sở; thu nhập của người lao động;
- Thông tin về kết quả, chi phí SXKD: tài sản, nguồn vốn; kết quả hoạt động, chi phí SXKD; thuê và các khoản nộp ngân sách; vốn đầu tư; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D), đổi mới sáng tạo; các chỉ tiêu thống kê chuyên ngành trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phân tổ theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam; tiêu dùng năng lượng;
- Thông tin về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin: sử dụng phần mềm quản lý, tự động hóa cho SXKD; sử dụng hình thức thương mại điện tử qua hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ trực tuyến; năng lực tiếp cận cách mạng Công nghiệp lần thứ 4;
- Thông tin về tình hình tiếp cận tài chính, hội nhập kinh tế quốc tế và thông tin chuyên đề về đơn vị điều tra.

2. Các loại phiếu điều tra và giải thích nội dung thông tin thu thập (Quy định chi tiết tại Phụ lục 02)

IV. CÁC BẢNG DANH MỤC SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA

1. Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam năm 2018 ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ;
2. Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ;
3. Danh mục các đơn vị hành chính ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và được cập nhật đến thời điểm điều tra;
4. Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam ban hành theo Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ ngày 02/3/1979 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê;
5. Danh mục các nước và vùng lãnh thổ: Áp dụng Bảng danh mục các nước và vùng lãnh thổ do Tổng cục Thống kê quy định.

V. THỜI ĐIỂM, THỜI KỲ ĐIỀU TRA VÀ THỜI GIAN THU THẬP THÔNG TIN

1. Thời điểm điều tra

- Đối với doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp: thời điểm điều tra tiến hành vào ngày 01/3/2021.

Những chỉ tiêu thu thập theo thời điểm điều tra được lấy thông tin phát sinh tại thời điểm điều tra tùy theo từng chỉ tiêu và đơn vị điều tra được quy định cụ thể trong từng loại phiếu (áp dụng cho một số chỉ tiêu như tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ, lao động đầu kỳ và cuối kỳ,...).

- Đối với cơ sở SXKD cá thể, cơ sở tôn giáo: thời điểm điều tra tiến hành vào ngày 01/7/2021.

2. Thời kỳ điều tra

Những chỉ tiêu thu thập theo thời kỳ được lấy thông tin theo số liệu phát sinh trong năm 2020 hoặc các tháng năm 2021 tùy theo từng chỉ tiêu và đơn vị điều tra, được quy định cụ thể trong từng loại phiếu điều tra.

3. Thời gian thu thập thông tin

- Đối với đơn vị điều tra là doanh nghiệp: chia làm hai giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: thời gian chuẩn bị và thu thập thông tin từ ngày 01/02/2021 đến hết ngày 30/4/2021;

+ Giai đoạn 2: thời gian thu thập thông tin từ ngày 15/5/2021 đến hết ngày 30/7/2021;

- Đối với đơn vị sự nghiệp, hiệp hội: thời gian chuẩn bị thu thập thông tin từ ngày 01/02/2021 đến hết ngày 28/02/2021; thời gian thu thập thông tin từ ngày 01/3/2021 đến hết ngày 30/4/2021.

- Đối với cơ sở SXKD cá thể: thời gian chuẩn bị và thu thập thông tin toàn bộ thực hiện từ ngày 02/5/2021 đến hết ngày 15/6/2021; thu thập thông tin mẫu từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 30/7/2021.

- Đối với cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng: Thời gian lập danh sách đơn vị điều tra thực hiện từ ngày 01/6/2021 đến hết ngày 15/6/2021; thu thập thông tin từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 30/7/2021.

VI. LOẠI ĐIỀU TRA VÀ PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN

1. Loại điều tra

Tổng điều tra kinh tế năm 2021 thực hiện điều tra toàn bộ kết hợp với điều tra chọn mẫu.

a) Điều tra toàn bộ: thực hiện đối với các đối tượng, đơn vị điều tra nhằm thu thập thông tin cơ bản về cơ sở.

- **Doanh nghiệp:** điều tra toàn bộ thông tin cơ bản của doanh nghiệp, chi nhánh; sản phẩm vật chất và dịch vụ của địa điểm SXKD trực thuộc doanh nghiệp/chi nhánh. Nội dung, quy trình thực hiện quy định tại **Phụ lục 03**.

- Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội

+ Danh sách và thông tin về các đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở SXKD thuộc các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan Thống kê các cấp phối hợp với cơ quan Nội vụ các cấp thực hiện.

+ Danh sách và thông tin về các đơn vị sự nghiệp, hiệp hội ngoài công lập và cơ sở SXKD thuộc các đơn vị này do Cục Thống kê thực hiện.

Nội dung, quy trình thực hiện quy định tại **Phụ lục 04**

- **Cơ sở SXKD cá thể; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng:** Nội dung, quy trình thực hiện quy định tại **Phụ lục 05**.

b) Điều tra chọn mẫu: Thực hiện đối với các đối tượng, đơn vị điều tra được chọn mẫu nhằm thu thập một số thông tin chi tiết cho từng loại đơn vị điều tra. Số lượng, phương pháp và quy trình chọn mẫu được quy định riêng cho từng loại đơn vị điều tra.

Doanh nghiệp: điều tra chọn mẫu kết quả SXKD thuộc doanh nghiệp và cơ sở trực thuộc doanh nghiệp. Quy trình chọn mẫu được quy định tại **Phụ lục 06**.

Cơ sở SXKD cá thể: Chọn mẫu cơ sở SXKD cá thể để thu thập thông tin chi tiết về kết quả SXKD theo chuyên ngành. Việc chọn mẫu do các Ban Chỉ đạo Tổng điều tra cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết gọn là BCD cấp tỉnh) thực hiện theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Tổng điều tra Trung ương (viết gọn là BCD TW) bằng phần mềm thống nhất toàn quốc. Quy trình chọn mẫu được quy định tại **Phụ lục 06**.

2. Phương pháp thu thập thông tin

a) Khai thác dữ liệu từ hồ sơ hành chính

Xây dựng danh sách nền từ các nguồn dữ liệu hành chính từ Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh) về đơn vị điều tra.

Xử lý, kiểm tra, ánh xạ dữ liệu từ Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước để tích hợp thông tin vào kết quả Tổng điều tra.

BCD cấp tỉnh thực hiện khai thác dữ liệu ban đầu theo hướng dẫn của BCD TW.

b) Thực hiện thu thập thông tin

(1) Đối với doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội: thực hiện cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của Tổng điều tra kinh tế 2021 (viết gọn là Trang thông tin điện tử TĐT). Điều tra viên có trách nhiệm cung cấp tài khoản, mật khẩu để đơn vị điều tra đăng nhập vào hệ thống và hướng dẫn người cung cấp thông tin điền thông tin vào bảng hỏi điện tử (web-form) trên Trang thông tin điện tử TĐT.

(2) **Đối với cơ sở SXKD cá thể và cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng:** Điều tra viên đến từng cơ sở gặp người cung cấp thông tin (chủ cơ sở) để phỏng vấn, kết hợp quan sát đối tượng điều tra để ghi đầy đủ các câu trả lời vào phiếu điện tử (CAPI) được thiết kế trên thiết bị điện tử cầm tay.

VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ THÔNG TIN

1. Xử lý dữ liệu ban đầu

Xây dựng và xử lý các cơ sở dữ liệu về đơn vị điều tra phục vụ phân chia các hình thức thu thập thông tin theo bảng hỏi điện tử (web-form), phiếu điện tử (CAPI).

2. Xử lý thông tin phiếu điều tra

a) **Bảng hỏi điện tử (web-form):** Thông tin trên phiếu trực tuyến được lưu trữ trên máy chủ của Tổng cục Thống kê sau khi doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp hoàn thành việc cung cấp thông tin. Dữ liệu điều tra được kiểm tra và tích hợp vào cơ sở dữ liệu chung phục vụ công tác làm sạch và xử lý, tổng hợp kết quả Tổng điều tra.

b) **Phiếu điện tử (CAPI):** Thông tin trên phiếu điện tử được điều tra viên hoàn thành và gửi về máy chủ của Tổng cục Thống kê ngay sau quá trình điều tra thực tế tại địa bàn. Dữ liệu được kiểm tra, duyệt và nghiệm thu bởi các giám sát viên cấp huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện); tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) và Trung ương.

c) Tích hợp vào dữ liệu chung và chiết xuất dữ liệu

Dữ liệu điều tra từ phiếu điện tử; dữ liệu điều tra từ bảng hỏi điện tử và dữ liệu điều tra của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được tích hợp vào cơ sở dữ liệu chung Tổng điều tra. Sau đó, dữ liệu được làm sạch, xử lý và tổng hợp kết quả điều tra.

Dữ liệu Tổng điều tra được chiết xuất và lưu trữ dưới các định dạng Excel, SPSS, Stata để phục vụ phân tích dữ liệu và viết báo cáo kết quả Tổng điều tra.

VIII. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH ĐIỀU TRA

Kế hoạch thực hiện các nội dung chính của Tổng điều tra như sau:

Nội dung	Thời gian	Cơ quan chủ trì
I. Công tác chuẩn bị		
1. Xây dựng Phương án, thiết kế phiếu điều tra (bảng hỏi điện tử), giải thích nội dung thông tin thu thập	Tháng 5-8/2020	BCĐ TW
2. Biên soạn tài liệu hướng dẫn điều tra, sổ tay	Tháng 5-11/2020	

3. Xây dựng hệ thống phần mềm xử lý Tổng điều tra, bao gồm: - Trang Web điều hành tác nghiệp; phần mềm thu thập, xử lý, tổng hợp - Phổ biến cơ sở dữ liệu	Tháng 10-12/2020 Năm 2022	
4. Hạ tầng công nghệ thông tin (máy chủ, đường truyền, thiết bị lưu trữ, thiết bị bảo mật, thiết bị phục vụ thu thập thông tin...)	Tháng 01-07/2021	
5. In và phát hành tài liệu	Tháng 01/2021	BCĐ các cấp,
6. Tuyển chọn điều tra viên, giám sát viên, quản trị hệ thống khối doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp	Tháng 01/2021	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
7. Tập huấn nghiệp vụ các cấp	Tháng 01-5/2021	
8. Xây dựng danh sách đơn vị điều tra từ nguồn dữ liệu của các cơ quan liên quan	Tháng 01/2021	Tổ TT TW
9. Tuyên truyền các cấp về nội dung cuộc Tổng điều tra	Tháng 1-7/2021	
10. Tuyển chọn điều tra viên, giám sát viên, quản trị hệ thống khối cá thể, tôn giáo	Tháng 5/2021	BCĐ các cấp
II. Triển khai thu thập thông tin		
1. Doanh nghiệp		
1.1. Giai đoạn 1 (điều tra toàn bộ)		
1.1.1. Thu thập thông tin	Tháng 02-4/2021	BCĐ các cấp,
1.1.2. Kiểm tra, làm sạch, ghi mã sản phẩm, mã ngành kinh tế, xác minh thông tin bằng hỏi điện tử	Tháng 02-4/2021	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
1.2. Giai đoạn 2 (điều tra mẫu)		
1.2.1. Chọn mẫu đơn vị điều tra	Tháng 4/2021	BCĐ TW
1.2.2. Thu thập thông tin	Tháng 5-7/2021	BCĐ các cấp,
1.2.3. Kiểm tra, làm sạch	Tháng 5-7/2021	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
1.2.4. Xử lý, ánh xạ chỉ tiêu, kiểm tra dữ liệu từ Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước và tích hợp vào hệ thống thông tin Tổng điều tra	Tháng 4-10/2021	Tổ TT TW

2. Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội		
2.1. Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội cấp Trung ương		
2.1.1. BCĐ TW phối hợp với Bộ Nội vụ hướng dẫn các Bộ, ngành thực hiện thu thập thông tin	Tháng 2-4/2021	BCĐ TW, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
2.1.2. Kiểm tra, làm sạch, ghi mã sản phẩm, mã ngành kinh tế	Tháng 4-5/2021	BCĐ các cấp
2.2. Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội cấp địa phương		
2.1.1. Thu thập thông tin	Tháng 2-5/2021	BCĐ cấp tỉnh, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
2.2.1. Kiểm tra, làm sạch, ghi mã sản phẩm, mã ngành kinh tế	Tháng 4-5/2021	
3. Khối cá thể, tôn giáo		
3.1. Thu thập thông tin toàn bộ cơ sở SXKD cá thể	Tháng 5-6/2021	BCĐ cấp huyện phối hợp với BCĐ cấp xã
3.2. Kiểm tra; ghi mã sản phẩm, mã ngành kinh tế	Tháng 5-6/2021	
3.3. Chọn mẫu đơn vị điều tra	Tháng 6/2021	BCĐ cấp tỉnh
3.4. Thu thập thông tin mẫu cơ sở SXKD cá thể; tôn giáo, tín ngưỡng	Tháng 6-7/2021	BCĐ cấp huyện phối hợp với BCĐ cấp xã
3.5. Kiểm tra, làm sạch cơ sở dữ liệu mẫu	Tháng 8/2021	BCĐ các cấp, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
III. Kiểm tra, giám sát, thanh tra các hoạt động Tổng điều tra	Tháng 02-8/2021	
IV. Nghiệm thu kết quả điều tra các cấp	Tháng 4-10/2021	
V. Xử lý, tổng hợp sơ bộ kết quả Tổng điều tra		
5.1. Tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả sơ bộ Tổng điều tra	Tháng 10-11/2021	Bộ KHĐT (TCTK)
5.2. Công bố kết quả sơ bộ; đưa lên cổng thông tin và trang điều hành của Bộ KHĐT	Tháng 12/2021	Tổng cục trưởng TCTK

VI. Công bố kết quả chính thức Tổng điều tra		
6.1. Biên soạn sách trắng doanh nghiệp, sách trắng hợp tác xã	Tháng 01/2022	Bộ KHĐT (TCTK)
6.2. Tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả chính thức Tổng điều tra	Quý 1/2022	
6.3. Công bố kết quả chính thức Tổng điều tra và đưa lên cổng thông tin của Bộ KHĐT và của Chính phủ.	Tháng 2/2022	Tổng cục trưởng TCTK
6.4. Biên soạn, xuất bản ấn phẩm kết quả chính thức và các ấn phẩm chuyên đề Tổng điều tra	Tháng 6-12/2022	Bộ KHĐT (TCTK)
6.5. Xây dựng các cơ sở dữ liệu, phân tích chuyên sâu kết quả Tổng điều tra.	Tháng 12/2022	
VII. Tổng kết, khen thưởng Tổng điều tra các cấp	Quý 2/2022	BCĐ TW

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập BCĐ các cấp

a) Cấp Trung ương

- BCĐ Tổng điều tra kinh tế Trung ương được thành lập theo Quyết định số 752/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm Trưởng ban, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê làm Phó Trưởng ban thường trực, 01 Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê làm Ủy viên thường trực; Đại diện Lãnh đạo các Bộ, ngành: Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ, Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam và Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

- BCĐ TW có trách nhiệm xây dựng và ban hành Phương án Tổng điều tra, tổ chức chỉ đạo thực hiện cuộc Tổng điều tra theo đúng kế hoạch, nội dung và phương án phê duyệt.

- Tổng cục Thống kê phối hợp với Bộ Nội vụ hướng dẫn các Bộ, ngành thành lập Tổ công tác để tổ chức thu thập thông tin đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các cơ quan Đảng, Nhà nước ở cấp Trung ương theo hướng

dẫn của BCD TW. Các cơ sở trực thuộc của cơ quan Nhà nước tổ chức theo ngành dọc ở cấp địa phương do BCD cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức điều tra.

- Tổ Thường trực Tổng điều tra kinh tế Trung ương (viết gọn là Tổ TT TW) là bộ phận thường trực giúp BCD TW tổ chức chỉ đạo Tổng điều tra, có trụ sở đặt tại Tổng cục Thống kê, 54 Nguyễn Chí Thanh. Điện thoại: 024 7304 6666 (máy lẻ 6889); Email: tdtkt2021@gso.gov.vn

b) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an

Cuộc Tổng điều tra được tổ chức thực hiện theo các cấp hành chính. Tuy nhiên, do tính chất đặc thù của hai ngành hoạt động quản lý Nhà nước về quốc phòng và an ninh, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an thành lập riêng hai BCD Tổng điều tra, triển khai điều tra riêng theo sự chỉ đạo ngành dọc từ trung ương đến địa phương của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an nhưng thống nhất với nội dung phương án Tổng điều tra của cả nước.

Tổ TT Tổng điều tra của mỗi Bộ là bộ phận thường trực giúp BCD Tổng điều tra của mỗi Bộ để tổ chức triển khai Tổng điều tra.

c) Cấp địa phương

BCD và Tổ TT các cấp ở địa phương được thành lập theo quy định tại Công văn số 4854/BCDTW-TTT ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chuẩn bị Tổng điều tra kinh tế năm 2021.

BCD các cấp ở địa phương có nhiệm vụ tổ chức, chỉ đạo thực hiện cuộc Tổng điều tra tại địa phương mình theo đúng hướng dẫn của BCD TW; đồng thời tham mưu về chủ trương, giải pháp để hỗ trợ các cấp, các ngành trong Tổng điều tra.

2. Xác định địa bàn và lập bảng kê các đơn vị điều tra

a) Doanh nghiệp

Tổ TT TW xây dựng danh sách đơn vị điều tra từ các nguồn dữ liệu của Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh), Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

b) Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội

(1) Thu thập thông tin định danh về đơn vị điều tra là các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ sở SXKD trực thuộc các đơn vị này: BCD các cấp tổ chức thực hiện và được tiến hành cùng thời điểm với cuộc điều tra các cơ sở hành chính do Bộ Nội vụ thực hiện.

(2) Thu thập thông tin định danh về đơn vị điều tra là các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, hiệp hội và các cơ sở SXKD trực thuộc các đơn vị này do BCD

các cấp ở địa phương thực hiện.

(Quy trình thu thập thông tin quy định tại Phụ lục 04).

BCĐ cấp tỉnh hoàn thành thông tin định danh về các đơn vị sự nghiệp, hiệp hội, cơ sở SXKD thuộc các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trước ngày 25/2/2021.

c) Cơ sở SXKD cá thể

(1) Quy định địa bàn điều tra

Địa bàn điều tra cơ sở SXKD cá thể là tổ dân phố, thôn, ấp, bản. Các khu vực tập trung nhiều cơ sở SXKD cá thể như chợ, siêu thị, trung tâm thương mại thì mỗi khu vực này là một địa bàn điều tra riêng và giao cho các Ban quản lý những khu vực đó phối hợp triển khai thu thập thông tin.

BCĐ các cấp căn cứ vào hướng dẫn và tình hình thực tế để phân chia số lượng địa bàn điều tra cho mỗi điều tra viên, giám sát viên cho phù hợp.

(2) Thực hiện thu thập thông tin cơ bản của toàn bộ cơ sở SXKD cá thể

Điều tra viên tiến hành thu thập thông tin cơ bản của toàn bộ cơ sở SXKD cá thể thực tế tại địa bàn và hoàn thành trước 15/6/2021.

(Quy trình thu thập thông tin về cơ sở SXKD cá thể quy định tại Phụ lục 05)

d) Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng

Thông tin về các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng: do Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo Chính phủ) cung cấp thông tin ban đầu; BCĐ các cấp cập nhật thông tin định danh về các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng do UBND các cấp quản lý, theo dõi.

Thông tin thực tế về các đơn vị điều tra thuộc khối tôn giáo hoàn thành trước ngày 15/6/2021.

đ) Tổng hợp thông tin về đơn vị điều tra toàn bộ

Tổng hợp thông tin về đơn vị điều tra doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp theo từng địa bàn điều tra để làm căn cứ chọn mẫu điều tra, phân chia số lượng đơn vị điều tra và địa bàn điều tra cho điều tra viên theo từng loại đơn vị điều tra: doanh nghiệp; cơ sở SXKD cá thể phi NLTS; đơn vị sự nghiệp; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng.

e) Danh sách các đơn vị điều tra mẫu

- Doanh nghiệp: Tổ TT TW thực hiện chọn mẫu doanh nghiệp, hợp tác xã và gửi danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã được chọn mẫu cho BCĐ cấp tỉnh để tiến hành điều tra doanh nghiệp giai đoạn 2.

- Cơ sở SXKD cá thể: Tổ TT cấp tỉnh thực hiện chọn mẫu theo hướng dẫn

của BCĐ TW, sử dụng phần mềm máy tính thống nhất trên toàn quốc. Thời gian hoàn thành việc rà soát, chọn mẫu và danh sách cơ sở mẫu trước ngày 20/6/2021.

3. Tuyển dụng điều tra viên, tổ trưởng, giám sát viên và quản trị hệ thống

a) Nhiệm vụ của điều tra viên, tổ trưởng, giám sát viên và quản trị hệ thống

(1) Nhiệm vụ của điều tra viên

- *Khối doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội*

+ Tham dự đầy đủ và nghiêm túc lớp tập huấn dành cho điều tra viên;

+ Liên hệ với doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp cung cấp tài khoản (tên đăng nhập, mật khẩu) và hướng dẫn người cung cấp thông tin truy cập vào Trang thông tin điện tử TĐT và khai thông tin theo bảng hỏi điện tử;

+ Hướng dẫn qui trình kê khai và giải đáp thắc mắc cho người cung cấp cung cấp thông tin theo yêu cầu của phương án điều tra;

+ Kiểm soát tiến độ, đôn đốc, nhắc nhở, hỗ trợ doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp trả lời chính xác và đầy đủ các chỉ tiêu trong bảng hỏi phù hợp với ngành nghề SXKD thực tế của cơ sở;

+ Kiểm tra logic, chất lượng thông tin do cơ sở cung cấp và liên hệ lại nếu cần xác minh, chỉnh sửa và cập nhật lại thông tin trên Trang thông tin điện tử TĐT;

+ Ghi mã, chuyển đổi những chỉ tiêu liên quan theo các bảng mã quy định (đơn vị hành chính, ngành kinh tế, sản phẩm sản xuất, tiêu thụ và tồn kho...);

+ Báo cáo cho Tổ thường trực cấp tỉnh, huyện những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thu thập thông tin nằm ngoài qui định của phương án điều tra;

+ Định kỳ báo cáo tiến độ và kết quả công việc được phân công.

- *Khối cá thể, tôn giáo*

+ Tham dự đầy đủ và nghiêm túc lớp tập huấn dành cho điều tra viên;

+ Trực tiếp đến các đơn vị điều tra được phân công để phỏng vấn thu thập thông tin của cơ sở theo đúng yêu cầu;

+ Thực hiện đầy đủ các quy định đối với điều tra viên trong quy trình thu thập thông tin và kiểm tra của tổ trưởng; phối hợp với tổ trưởng hoàn thành các công việc có liên quan khác.

(2) Nhiệm vụ của tổ trưởng

+ Phối hợp với Tổ trưởng dân phố, Trưởng thôn (ấp, bản), Hội nông dân, Mặt trận tổ quốc, Hội Phụ nữ,... tuyên truyền giải thích mục đích, ý nghĩa, kế hoạch tiến hành cuộc Tổng điều tra;

+ Quản lý, điều hành, giám sát các điều tra viên tại địa bàn điều tra được giao phụ trách; kiểm tra chất lượng phiếu điều tra.

(3) Nhiệm vụ của giám sát viên

+ Giám sát Ban chỉ đạo cấp huyện tập huấn cho Ban chỉ đạo cấp xã và điều tra viên;

+ Theo dõi sát tiến độ thu thập thông tin của điều tra viên được phân công quản lý; đôn đốc điều tra viên thực hiện đúng tiến độ thu thập thông tin theo quy định;

+ Báo cáo cho Tổ Thường trực cấp tỉnh/huyện những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thu thập thông tin doanh nghiệp nằm ngoài quy định của Phương án điều tra;

+ Định kỳ báo cáo tiến độ và kết quả công việc được phân công.

(4) Nhiệm vụ của quản trị hệ thống

+ Đảm bảo ổn định, thường xuyên, liên tục hệ thống thu thập thông tin của Tổng điều tra;

+ Quản lý toàn bộ tài khoản của Tổ thường trực, giám sát viên, điều tra viên, doanh nghiệp thuộc cấp quản lý (tài khoản sử dụng);

+ Phân quyền cho các tài khoản sử dụng theo qui định;

+ Cập nhật các thông tin liên quan đến Tổng điều tra: Văn bản pháp lý liên quan, thông báo nghiệp vụ, danh sách đơn vị điều tra.

b) Số lượng điều tra viên, tổ trưởng cần tuyển chọn

- Số lượng điều tra viên: Cần tuyển chọn điều tra viên cho việc thu thập thông tin. Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa bàn điều tra, BCD từng cấp ở địa phương cần xác định định mức theo địa bàn điều tra hoặc số lượng đơn vị điều tra phù hợp cho mỗi điều tra viên.

- Tổ trưởng: Chỉ tuyển dụng tổ trưởng đối với phiếu điều tra áp dụng cho sở SXKD cá thể. Quy định một tổ trưởng phụ trách tối đa 7 điều tra viên.

Để đảm bảo tính chủ động và tiến độ Tổng điều tra, cần tuyển chọn và tập huấn dự phòng thêm 3% số điều tra viên.

c) Tuyển chọn điều tra viên, tổ trưởng, giám sát viên

- BCD cấp tỉnh, huyện, xã chịu trách nhiệm tuyển chọn điều tra viên, tổ trưởng, thích hợp cho từng loại đơn vị điều tra. BCD cấp huyện chịu trách nhiệm hướng dẫn BCD cấp xã tuyển chọn điều tra viên cho từng địa bàn điều tra thuộc địa phương.

- Cuộc Tổng điều tra kinh tế gồm 03 cấp giám sát: Giám sát viên cấp Trung ương, giám sát viên cấp tỉnh và giám sát viên cấp huyện với nhiệm vụ giám sát hoạt động của điều tra viên, hỗ trợ chuyên môn cho người tham gia

điều tra ở cấp dưới. Giám sát viên các cấp là công chức, viên chức ngành thống kê được trung tập cho cuộc điều tra.

4. Tập huấn BCD các cấp, giám sát viên, quản trị hệ thống, tổ trưởng và điều tra viên

a) Cấp Trung ương

Tổng cục Thống kê mở các Hội nghị tập huấn nghiệp vụ cho giám sát viên cấp Trung ương, thành viên Tổ công tác cấp Trung ương, công chức thống kê Trung ương có liên quan, lãnh đạo Cục Thống kê và giảng viên cấp tỉnh.

- Hội nghị tập huấn nghiệp vụ điều tra: Thời gian hội nghị 2 ngày.

- Hội nghị tập huấn sử dụng thiết bị và phần mềm để thực hiện bảng hỏi điện tử: Thời gian hội nghị 2 ngày.

Thành phần và số lượng do Tổng cục trưởng quy định cho từng hội nghị.

b) Cấp tỉnh

Cục Thống kê tổ chức tập huấn trực tiếp cho thành viên Tổ TT cấp tỉnh, giám sát viên cấp tỉnh và giảng viên cấp huyện.

- Tập huấn nghiệp vụ điều tra, sử dụng thiết bị và phần mềm: Thời gian hội nghị 2 ngày.

- Tập huấn công tác phân cấp, kiểm tra giám sát cho các giám sát viên cấp tỉnh và cấp huyện. Thời gian hội nghị 2 ngày.

Thành phần và số lượng do Cục trưởng Cục Thống kê quy định cho từng hội nghị.

c) Cấp huyện

Cục Thống kê hoặc Chi cục Thống kê tổ chức tập huấn trực tiếp cho giám sát viên cấp huyện, điều tra viên.

- Tập huấn nghiệp vụ cho điều tra viên, giám sát viên Phiếu cá thể, tôn giáo. Thời gian tập huấn: 1 ngày;

- Hướng dẫn sử dụng thiết bị di động để thu thập thông tin trên Phiếu điều tra điện tử cho điều tra viên, tổ trưởng, giám sát viên. Thời gian tập huấn: 1 ngày.

5. Hoạt động tuyên truyền

a) Công tác tuyên truyền

- Cần tập trung làm rõ mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung, kế hoạch, trách nhiệm của các cấp, các ngành và nhân dân trong quá trình thực hiện Tổng điều tra.

- BCD các cấp cần huy động tối đa các nguồn lực phục vụ công tác tuyên

truyền Tổng điều tra đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

b) Thời gian thực hiện hoạt động tuyên truyền

- Tuyên truyền nội dung chung về Tổng điều tra và chuyên đề về doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp bắt đầu từ tháng 02 năm 2021.

- Tuyên truyền nội dung Tổng điều tra về cơ sở cá thể, tôn giáo từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2021.

6. Triển khai thu thập thông tin

a) Thu thập thông tin qua web-form

Thu thập thông tin qua web-form được áp dụng chung cho cả hai giai đoạn điều tra toàn bộ và điều tra chọn mẫu, bao gồm các công việc sau:

- Điều tra viên liên hệ và cung cấp tài khoản cho doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội;

- Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội đăng nhập vào hệ thống và thực hiện cung cấp thông tin theo hướng dẫn của điều tra viên;

- Sau khi doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội hoàn thành cung cấp thông tin, điều tra viên có trách nhiệm kiểm tra chất lượng thông tin kê khai, xác minh lại thông tin do doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội đã cung cấp (nếu cần) và tiến hành hoàn thiện bảng hỏi điện tử;

- Bảng hỏi điện tử được kiểm tra, làm sạch, điều tra viên thực hiện ghi mã sản phẩm/dịch vụ (theo mã ngành sản phẩm VCPA 2018) do doanh nghiệp, chi nhánh của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội đã kê khai và xác nhận hoàn thành bảng hỏi điện tử trên hệ thống.

b) Thu thập thông tin qua phỏng vấn trực tiếp

- Đối với việc thu thập thông tin tại cơ sở SXKD cá thể: Trước khi đến hộ, điều tra viên cùng giám sát viên kiểm tra lại thiết bị di động và thông tin định danh của từng địa bàn điều tra. Thiết bị di động (máy tính bảng, điện thoại thông minh) được huy động từ các điều tra viên hoặc các tổ chức tại địa phương theo hình thức hỗ trợ thuê thiết bị.

- Đối với những cơ sở điều tra đầu tiên, điều tra viên đi cùng cán bộ tổ dân phố, thôn (ấp, bản), tổ trưởng để cùng phỏng vấn chủ cơ sở, đồng thời xem xét các thông tin chủ cơ sở cung cấp có sát với thực tế hay không, từ đó rút kinh nghiệm phương pháp phỏng vấn đối với các cơ sở tiếp theo.

Trong quá trình thu thập thông tin, nếu chủ cơ sở chưa rõ câu hỏi, điều tra viên cần giải thích thêm. Điều tra viên chỉ ghi vào phiếu những thông tin trung thực và đã được kiểm tra, nhất là các thông tin về doanh thu, sản lượng SXKD. Điều tra viên tuyệt đối không được tự ý ghi chép vào phiếu những

thông tin sai sự thật dưới mọi hình thức.

- Đối với các đơn vị điều tra là cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng điều tra viên cần thông báo trước cho các đơn vị điều tra về thời gian điều tra viên đến và khoảng thời gian cần thiết dành cho việc thu thập thông tin.

7. Công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra

Nhằm bảo đảm chất lượng của cuộc Tổng điều tra, BCD các cấp có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc giám sát, kiểm tra kết hợp thanh tra thường xuyên hoặc đột xuất trong suốt thời gian tập huấn, thu thập, thông tin.

Lực lượng giám sát, kiểm tra, thanh tra ở Trung ương gồm thành viên BCD TW và Tổ TT TW, công chức Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ, Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng, Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng CNTT thống kê, Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia, Vụ Thống kê Nông Lâm nghiệp và Thủy sản, Vụ Pháp chế và Thanh tra Thống kê, Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê, Viện Khoa học Thống kê và các đơn vị liên quan. Lực lượng giám sát, kiểm tra, thanh tra ở địa phương là các thành viên BCD, Tổ TT các cấp; công chức; thanh tra Cục Thống kê và công chức các Chi cục Thống kê.

Nội dung giám sát, kiểm tra, thanh tra gồm: Giám sát, kiểm tra, thanh tra việc tổ chức các lớp tập huấn, thu thập thông tin của đơn vị điều tra, số lượng và chất lượng thông tin do cơ sở cung cấp, các thủ tục hành chính, kiểm tra thực địa tại địa bàn,...

Hình thức giám sát, kiểm tra, thanh tra: Kiểm tra chéo, cấp trên giám sát, kiểm tra, thanh tra cấp dưới, kiểm tra thường xuyên và kiểm tra đột xuất, kiểm tra trọng điểm, tổng kiểm tra trước khi nghiệm thu. BCD cấp trên kiểm tra điển hình việc tổ chức và thực hiện điều tra đối với cấp dưới để phát hiện và giải quyết tại chỗ, kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình điều tra.

Nhằm bảo đảm chất lượng của thông tin thu thập tại địa bàn trước khi nghiệm thu, Tổ trưởng điều tra phải thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, trực tiếp đến một số cơ sở để kiểm tra việc thu thập thông tin, kiểm tra kết quả phiếu điều tra điện tử. Công tác kiểm tra phiếu của các điều tra viên cần được thực hiện thường xuyên, không để dồn nhiều ngày.

8. Nghiệm thu

a) Tổ chức nghiệm thu ở các cấp

BCD cấp huyện nghiệm thu kết quả Tổng điều tra của BCD cấp xã và điều tra viên: hoàn thành trước 20/8/2021;

BCD cấp tỉnh nghiệm thu kết quả Tổng điều tra của BCD cấp huyện: hoàn

thành trước ngày 10/9/2021;

BCĐ TW nghiệm thu kết quả Tổng điều tra của BCĐ cấp tỉnh, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an: hoàn thành trước 01/10/2021.

(Riêng khối doanh nghiệp thời gian và quy trình nghiệm thu được ghi chi tiết tại **Phụ lục 03**)

b) Nội dung nghiệm thu

Nội dung nghiệm thu được thực hiện đối với từng loại phiếu, mức độ đầy đủ các chỉ tiêu và chất lượng số liệu của phiếu. Các thành phần tham gia nghiệm thu cùng lập và ký biên bản nghiệm thu và chịu trách nhiệm về kết quả đã nghiệm thu.

9. Công bố kết quả

Thông tin về kết quả Tổng điều tra do Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê công bố theo quy định của pháp luật.

Cục trưởng Cục Thống kê cấp tỉnh công bố kết quả Tổng điều tra ở địa phương mình theo đúng kết quả do Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đã công bố.

Số liệu sơ bộ công bố vào tháng 12 năm 2021.

Kết quả chính thức Tổng điều tra công bố vào tháng 2 năm 2022.

10. Một số nội dung liên quan khác

a) Tổng kết, khen thưởng và kỷ luật

(1) Tổng kết

Tổng kết Tổng điều tra được tiến hành ở ba cấp: Trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện.

- Ở Trung ương: BCĐ TW tổ chức hội nghị toàn quốc tổng kết Tổng điều tra. Thành phần tham dự gồm: BCĐ và Tổ TT TW; đại diện BCĐ, Tổ TT Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; đại diện BCĐ, Tổ TT cấp tỉnh; đại diện các tập thể và cá nhân được nhận bằng khen.

- Ở cấp tỉnh: BCĐ cấp tỉnh tổ chức hội nghị tổng kết Tổng điều tra trên địa bàn tỉnh. Thành phần tham dự gồm: BCĐ và Tổ TT cấp tỉnh; đại diện BCĐ, Tổ TT cấp huyện; đại diện các tập thể và cá nhân được nhận bằng khen.

- Ở cấp huyện: BCĐ cấp huyện tổ chức hội nghị tổng kết Tổng điều tra trên địa bàn huyện. Thành phần tham dự gồm: BCĐ và Tổ TT cấp huyện; đại diện BCĐ cấp xã.

(2) Khen thưởng

Những tập thể, cá nhân lập thành tích trong cuộc Tổng điều tra sẽ được xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

BCĐ TW giao Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê hướng dẫn công tác khen thưởng cho BCĐ cấp tỉnh; BCĐ Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và là cơ quan đầu mối thẩm định, rà soát hồ sơ khen thưởng trình Hội đồng thi đua – khen thưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định và trình cấp trên khen thưởng.

Đối với hình thức khen thưởng là Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể và cá nhân trong cuộc Tổng điều tra tại địa phương; BCĐ cấp tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định và bố trí kinh phí khen thưởng theo quy định của pháp luật.

(3) Kỷ luật

Những tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật thống kê trong cuộc Tổng điều tra sẽ bị kỷ luật theo quy định. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

b) Vật tư, văn phòng phẩm

(1) Vật tư, văn phòng phẩm chủ yếu sử dụng trong cuộc Tổng điều tra bao gồm: Thẻ thành viên BCĐ, thẻ tổ trưởng, thẻ điều tra viên, sổ tay ghi chép, bút bi,... phục vụ tập huấn và điều tra.

(2) Đối tượng sử dụng vật tư, văn phòng phẩm là thành viên BCĐ các cấp, giảng viên các lớp tập huấn, giám sát viên, tổ trưởng và điều tra viên. Vật tư, văn phòng phẩm được giao cho người sử dụng phù hợp với nhiệm vụ được phân công thực hiện.

(3) Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm in, mua sắm và phân phối những vật tư, văn phòng phẩm theo đúng hướng dẫn của BCĐ TW.

c) Công nghệ thông tin phục vụ tổng điều tra

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) chịu trách nhiệm chuẩn bị hạ tầng và xây dựng hệ thống phần mềm bảo đảm phục vụ công tác điều hành, thu thập, xử lý và tổng hợp dữ liệu Tổng điều tra.

d) Lưu trữ và bảo mật dữ liệu

(1) Toàn bộ thông tin thu thập tại địa bàn được bảo mật và lưu trữ theo quy định của pháp luật hiện hành.

(2) Trách nhiệm về bảo mật và lưu trữ thông tin: Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm bảo mật thông tin do BCĐ cấp tỉnh giao nộp.

(3) Việc bàn giao dữ liệu điều tra được thực hiện thông qua biên bản bàn giao tài liệu phải đảm bảo đầy đủ các thủ tục hành chính quy định.

X. KINH PHÍ ĐIỀU TRA

Kinh phí Tổng điều tra do ngân sách Nhà nước bảo đảm cho mọi hoạt động quy định trong Phương án này. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo Thông tư số 109/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn của Tổng cục Thống kê.

BCĐ TW giao Tổng cục Thống kê hướng dẫn BCĐ các cấp việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cụ thể cho các hoạt động của cuộc Tổng điều tra theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tế và đặc thù của từng đơn vị, thực hiện chi trả đúng định mức, đúng đối tượng, đảm bảo chất lượng công việc được giao và chấp hành đúng các quy định về chế độ tài chính.

Danh sách phát hành Quyết định

TT	Tên	Số lượng
1	Trưởng ban chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế 2021 tỉnh, TP trực thuộc TƯ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	65
2	Thủ tướng Chính phủ	1
3	Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP	29
4	Thành viên BCD TƯ (theo QĐ 752)	18
5	UBND tỉnh, TP trực thuộc TƯ	63
6	Cục Thống kê tỉnh, TP trực thuộc TƯ	63
7	Thành viên Tổ TT TƯ (theo QĐ 912)	36
8	Lưu, TCTK (15)	16
	TỔNG	291

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 752/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2020

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... C.
	Ngày: 04/6/2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Ban Chỉ đạo
Tổng điều tra kinh tế Trung ương năm 2021

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2021;

Căn cứ Công văn cử người tham gia Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Trung ương năm 2021 của các Bộ, ngành;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Trung ương năm 2021 gồm các thành viên sau đây:

1. Ông Nguyễn Chí Dũng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng ban;
2. Bà Nguyễn Thị Hương, Phó Tổng cục trưởng phụ trách Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Phó Trưởng ban;
3. Ông Trần Đơn, Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Ủy viên;
4. Ông Nguyễn Văn Sơn, Trung tướng, Thứ trưởng Bộ Công an, Ủy viên;
5. Ông Cao Quốc Hưng, Thứ trưởng Bộ Công Thương, Ủy viên;
6. Ông Phạm Anh Tuấn, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy viên;
7. Ông Lê Quang Tùng, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy viên;
8. Ông Phạm Ngọc Thương, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy viên;

9. Bà Vũ Thị Mai, Thứ trưởng Bộ Tài chính, Ủy viên;
10. Ông Nguyễn Trường Sơn, Thứ trưởng Bộ Y tế, Ủy viên;
11. Ông Nguyễn Trọng Thừa, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Ủy viên;
12. Ông Lê Quân, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy viên;
13. Ông Lê Xuân Định, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy viên;
14. Bà Trần Thị Huệ, Phó Tổng giám đốc Kho bạc Nhà nước, Bộ Tài chính, Ủy viên;
15. Ông Phi Văn Tuấn, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính, Ủy viên;
16. Ông Tô Hoài Nam, Phó Chủ tịch Thường trực kiêm Tổng thư ký, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Ủy viên;
17. Ông Lê Văn Nghị, Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Ủy viên;
18. Ông Nguyễn Trung Tiến, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Trung ương năm 2021 có nhiệm vụ:

1. Xây dựng và ban hành phương án Tổng điều tra kinh tế năm 2021.
2. Tổ chức điều tra thí điểm để hoàn thiện về nghiệp vụ và công tác tổ chức chỉ đạo, triển khai cuộc Tổng điều tra.
3. Tổ chức chỉ đạo thực hiện Tổng điều tra theo đúng phương án được phê duyệt.
4. Giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Quyết định thành lập Tổ Thường trực Tổng điều tra kinh tế Trung ương năm 2021 giúp việc Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Trung ương năm 2021.

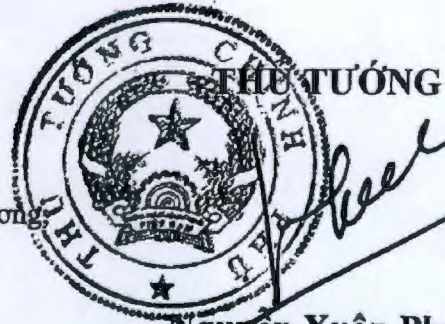
Điều 3. Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Trung ương năm 2021 sử dụng con dấu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và thành viên Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Tổng cục Thống kê;
- Các thành viên Ban Chỉ đạo;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KTTH (2). 428



Nguyễn Xuân Phúc



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN TỔ THƯỜNG TRỰC
TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ TRUNG ƯƠNG NĂM 2021**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 912/QĐ-BKHĐT ngày 18 tháng 6 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

1. Ông Nguyễn Trung Tiến, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Tổ trưởng;
 2. Vụ trưởng Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ, Tổng cục Thống kê, Tổ phó thường trực;
 3. Vụ trưởng Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng, Tổng cục Thống kê, Tổ phó;
 4. Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Tổng cục Thống kê, Tổ phó;
- a) Bộ, ngành**
5. Ông Nguyễn Trung Thành, Đại tá, Phó Cục trưởng Cục Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Quốc phòng, thành viên;
 6. Ông Trần Quốc Tiến, Thượng tá, Phó Cục trưởng Cục Công nghiệp an ninh, Bộ Công an, thành viên;
 7. Ông Nguyễn Mạnh Quân, Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Bộ Nội vụ, thành viên;
 8. Ông Lại Văn Dương, Phó Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp, Bộ Tài chính, thành viên;
 9. Ông Hoàng Xuân Nam, Phó Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê tài chính, Bộ Tài chính, thành viên;
 10. Bà Nguyễn Thúy Hiền, Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Bộ Công thương, thành viên;
 11. Ông Lê Nam Trung, Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông, thành viên;
 12. Ông Trịnh Duy Chấn, Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, thành viên;
 13. Ông Lê Hồng Phong, Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, thành viên;
 14. Ông Đào Mạnh Thắng, Phó Cục trưởng Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ, thành viên;
 15. Ông Trần Quang Nam, Chánh Văn phòng Bộ Giáo dục và Đào tạo, thành viên;
 16. Bà Lê Thu Hằng, Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Bộ Y tế, thành viên;
 17. Ông Nguyễn Danh Hưng, Hàm Phó Vụ trưởng Vụ Kinh tế tổng hợp, Văn phòng Chính phủ, thành viên;

18. Ông Võ Song Tùng, Phó Vụ trưởng Vụ Tổng hợp – Pháp chế, Kho bạc Nhà nước, thành viên;

19. Bà Lê Thị Duyên Hải, Vụ trưởng Vụ Kế khai và Kế toán thuế, Tổng cục Thuế, thành viên;

20. Ông Lê Anh Văn, Giám đốc trung tâm Hỗ trợ Pháp luật và phát triển nguồn nhân lực, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, thành viên;

21. Ông Dương Tuấn Cường, Phó Trưởng ban Ban Chính sách và Phát triển Hợp tác xã, thành viên;

b) Tổng cục Thống kê

22. Các Phó Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, thành viên;

23. Vụ trưởng Vụ Phương pháp chế độ Thống kê và Quản lý chất lượng thống kê, thành viên;

24. Vụ trưởng Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia, thành viên;

25. Vụ trưởng Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản, thành viên;

26. Vụ Trưởng Vụ Thống kê Tổng hợp và Phổ biến thông tin thống kê, thành viên;

27. Vụ trưởng Vụ Thống kê Dân số và Lao động, thành viên;

28. Vụ trưởng Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường, thành viên;

29. Vụ trưởng Vụ Thống kê Giá, thành viên;

30. Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, thành viên;

31. Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Thanh tra Thống kê, thành viên;

32. Chánh Văn phòng Tổng cục Thống kê, thành viên;

33. Tổng biên tập Tạp chí Con số và Sự kiện, thành viên;

34. Bà Phạm Thị Quỳnh Lợi, Phó Vụ trưởng Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ, thành viên;

35. Bà Phí Thị Hương Nga, Phó Vụ trưởng Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng, thành viên;

36. Ông Phạm Văn Tuấn, Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, thành viên./.